

# **Báo cáo**

**Đánh giá rủi ro thiên tai và thích ứng  
biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng  
Xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa,  
tỉnh Thanh Hóa**

## MỤC LỤC

A. GIỚI THIỆU CHUNG: .....	4
1. Vị trí địa lý.....	4
2. Địa hình:.....	4
2.Đặc điểm thời tiết khí hậu.....	4
1. Xu hướng thiên tai, khí hậu .....	4
2. Hiện trạng Dân số .....	5
3. Hiện trạng đất đai:.....	5
4. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	6
B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH.....	6
1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH .....	6
1. Tóm tắt kết quả bản đồ vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa.....	7
2. Lịch sử thiên tai/BĐKH .....	8
3. Nhóm dễ bị tổn thương .....	8
4. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng .....	9
5. Đánh giá hiện trạng nhà ở.....	10
5. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH .....	11
6. Y tế – hiện trạng dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH .....	13
7. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH .....	14
8. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng.....	14
9. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh .....	15
10. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm .....	16
Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm khá hoàn chỉnh. Hệ thống loa được phủ khắp toàn xã, các phương tiện thông tin đại chúng đa dạng, hệ thống cảnh báo sớm cho tàu thuyền đã có đến từng thuyền, tàu, cảng.....	16
15. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	16
C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH .....	17
1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi) 17	
1. Kết quả đánh giá về nhà ở.....	19
2. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường .....	20
3. Kết quả đánh giá về y tế.....	21
Nhận xét:.....	21
4. Kết quả đánh giá về giáo dục.....	22
5. Kết quả đánh giá về rừng: .....	22
6. Kết quả đánh giá về trồng trọt.....	23

7. Kết quả đánh giá về chăn nuôi.....	24
8. Kết quả đánh giá ngành thủy sản .....	24
9. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch: Không có .....	26
10. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác .....	26
11. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về thiên tai, biến đổi khí hậu và cảnh báo sớm;.....	27
12. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'BDKH .....	27
D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP;.....	28
2.Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH .....	31
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	37

Số: /BC-UBND

Hoàng Trường, ngày tháng 5 năm 2018

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG**  
Xã Hoàng Trường, Huyện Hoàng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**A. GIỚI THIỆU CHUNG:**

**1. Vị trí địa lý**

Hoàng Trường là xã bãi ngang ven biển, nằm phía đông bắc huyện Hoàng Hóa, cách trung tâm huyện 14km. Phía bắc giáp sông Lạch Trường và huyện Hậu Lộc, phía nam giáp xã Hoàng Hải, phía đông giáp biển đông, phía tây giáp xã Hoàng Hải và xã Hoàng Yên.

**2. Địa hình:**

Diện tích tự nhiên 598,85ha gồm 11 đơn vị thôn chia theo 2 vùng kinh tế: Vùng ngư nghiệp, gồm 5 thôn; Giang Sơn, Linh Trường, Liên Minh, Hải Sơn, Thành Xuân; Vùng nông nghiệp, gồm 6 thôn: thôn 1, 2, 3, 4, 5, 6.

**2. Đặc điểm thời tiết khí hậu**

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C			Tăng 1,9°C -2,4°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	41	6	Tăng thêm khoảng 1,6-2,4°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	7	12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6 -1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm			Tăng thêm khoảng 25.1 mm

**1. Xu hướng thiên tai, khí hậu**

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mực nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm
	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	Vd: 0,86% diện tích - 514.080ha

Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)				
--	--	--	--	--

## 2. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Giang Sơn	207	15	30	929	465	464
2	Linh Trường	304	20	28	1336	700	636
3	Liên Minh	305	15	33	1383	690	693
4	Hải Sơn	348	11	28	1619	824	795
5	Thanh Xuân	305	19	26	1320	671	649
6	Thôn 1	202	23	52	860	420	440
7	Thôn 2	188	29	39	820	416	404
8	Thôn 3	171	28	41	752	390	362
9	Thôn 4	126	28	58	573	305	268
10	Thôn 5	167	30	52	709	360	349
11	Thôn 6	199	20	35	850	420	430
<b>Tổng</b>		<b>2.522</b>	<b>238</b>	<b>422</b>	<b>11.848</b>	<b>5.658</b>	<b>5.490</b>

## 3. Hiện trạng đất đai:

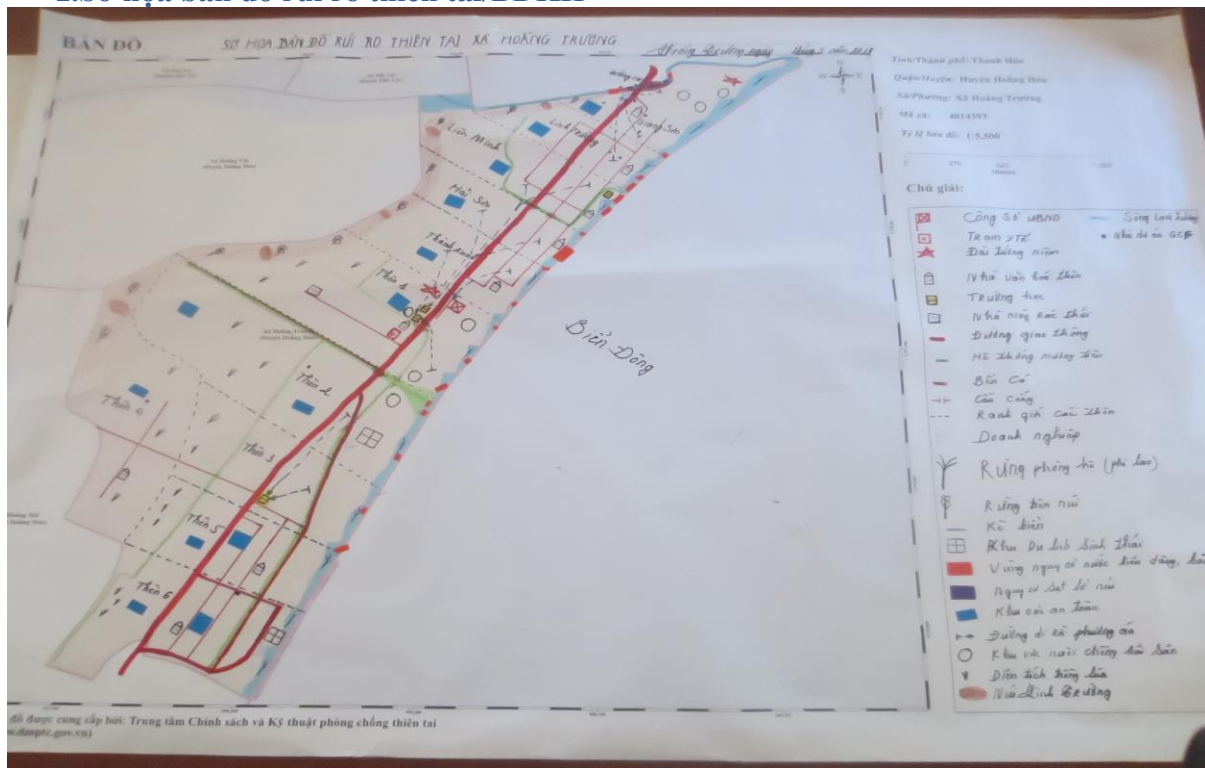
TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>	598,85
<b>1</b>	<b>Nhóm đất Nông nghiệp</b>	366,71
<b>1.1</b>	<b>Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp</b>	180,21
1.1.1	<b>Đất trồng lúa</b>	89,77
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	147,17
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	57,4
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	33,04
<b>1.2</b>	<b>Diện tích Đất lâm nghiệp</b>	149,56
1.2.1	Đất rừng sản xuất	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ (rừng trên cát)	149,56
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
<b>1.3</b>	<b>Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản</b>	6,94
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	6,94
<b>1.4</b>	<b>Đất làm muối</b>	0
<b>1.5</b>	<b>Diện tích Đất nông nghiệp khác</b> (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	241,57
<b>3</b>	<b>Diện tích Đất chưa sử dụng</b>	20,57

#### 4. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ nữ tham gia
1	Trồng trọt	16,14%	650	(ha)	70 đến -90%
2	Chăn nuôi	10,46%	195		70%
3	Nuôi trồng thủy sản	24,5%	25	(ha)	60%
4	Đánh bắt hải sản	35,5%	622	(tấn)	0%
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	1,4%	22	(triệu VND/năm)	
6	Buôn bán	3,6%	134	(triệu VND/năm)	70%
7	Du lịch	5%	325 người	(triệu VND/năm)	90%
8	Ngành nghề khác	2,5%	5.670	(triệu VND/năm)	

### B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

#### 1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



## 1. Tóm tắt kết quả bản đồ vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa

- Các thôn có nguy cơ cao do Bão, ATNĐ, nước biển dâng: Giang Sơn, Linh Trường, Liên Minh, Hải Sơn, Thành Xuân, Thôn1, thôn 2, thôn 3, thôn 5, thôn 6; Riêng thôn Giang Sơn có 5 hộ có kèm theo nguy cơ cao sạt lở núi;
- 5km bờ biển có nguy cơ biển xâm thực vào đất liền (Mỗi năm 10-15mét)
- Các nguy rủi ro cao do lụt, hạn hán: 100% diện tích trồng lúa, hoa màu tại các thôn 1,2,3,4,5,6;
- Nguy cơ rủi ro cao do nhiễm mặn: 11/11 thôn
- Các khu vực an toàn làm nơi tránh trú thiên tai: Trường học, UBND, Trạm y tế, và các hộ có nhà cao tầng nằm rải rác các thôn;

STT	Loại Thiên tai <sup>1</sup> /BĐKH <sup>2</sup> phổ biến (Bão, Lũ, Hạn, Nước Biển dâng, v.v.)	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ/Cấp độ thiên tai cao nhất đã xảy ra (Cao, Thấp, Trung bình)	Xu hướng thiên tai (tăng lên, giữ nguyên, giảm đi)
1	Bão, ATNĐ, lụt	Các thôn Giang Sơn, Linh Trường, Liên Minh, Thành Xuân	- Cấp 10, cấp 11 giạt trên cấp 12 (năm 2005); - Năm 2017 ATNĐ kèm theo triều nước biển dâng, mưa to kéo dài; - Mức độ thấp hơn so với những năm trước đây	- Giảm số cơn bão hàng năm so với những năm trước đây; chủ yếu là bị ảnh hưởng bão; - Hình thái bão cực đoan hơn cùng một thời điểm xuất hiện nhiều cơn bão; Hướng đi của bão phức tạp hơn so với những năm trước đây.
2	Nước biển dâng, lụt	Các thôn Giang Sơn, Linh Trường, Liên Minh, Thành Xuân	Nước biển dâng lên cao khi có bão/ATNĐ; Mức nước biển dâng cao hơn so với những năm trước 2-3m	Xu hướng gia tăng
3	- Hạn hán - Xâm nhập mặn	Thôn 1,2,3,4,5,6 11/11 thôn	Mức độ thấp, chủ yếu xâm mặn do nước biển tràn vào đất liền	Số lần ít nhưng độ mặn tăng cao

<sup>1</sup> Các loại hình thiên tai theo Luật PCTT: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác

<sup>2</sup> Biểu hiện biến đổi khí hậu bao gồm nhiệt độ trung bình tăng lên, nước biển dâng, lượng mưa và thiên tai thay đổi về tần suất, mức độ trầm trọng và thời gian xảy ra trong thời gian dài

## 2. Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số thôn bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
9-12/9//2017	Bão, ATNĐ Kèm theo nước biển dâng	Thôn 1, thôn 2, thôn Giang Sơn, Thôn Liên Minh, Linh Trường, Thành Xuân):	1. Số người chết/mất tích:	01 Nam
			2. Số người bị thương:	0
			3. Số nhà bị thiệt hại (tóc mái)	03
			4. Số trường học bị thiệt hại:	0
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			6. Số km đường bị thiệt hại:	0
			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0
			8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	
			Ngô, rau màu	2,51ha
			Cây lạc	10,63ha
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	2,26ha
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	
			12. Ngr cụ, bè mảng...	15 cái
			13. Chòi canh, lều đê ngr lưới cụ	15 cái
14. ...				
15. Ước tính thiệt hại kinh tế:	3,5 tỷ đồng			
9/2005	Bão kèm theo nước biển dâng	Toàn xã		
			Nhà bị tốc mái	30
			Trường tiểu học bị tốc mái	1 nhà
			Rừng trên cát bị thiệt hại (gãy, đổ)	1ha
			Ruộng bị thiệt hại do nhiễm mặn	90%
			...	
Ước tính thiệt hại	2,5 tỷ đồng			

## 3. Nhóm dễ bị tổn thương

T	T	Đối tượng dễ bị tổn thương												
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa		Người bị bệnh hiểm nghèo	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Giang Sơn	34	74	68	140		44	85	13	27	0	0	0	1
2	Linh Trường	53	112	98	201		71	138	19	39	0	0	1	1
3	Liên Minh	62	132	113	239		79	150	20	38	0	0	1	3
4	Hải	75	157	139	281		67	131	19	36	0	0	0	2



	Son													
5	Thanh Xuân	56	115	101	205		58	110	17	29	0	0	0	1
6	Thôn 1	34	74	68	141		45	87	13	27	0	0	1	1
7	Thôn 2	32	71	65	135		37	71	15	29	0	0	1	2
8	Thôn 3	31	63	57	120		39	76	8	20	0	0	1	1
9	Thôn 4	23	49	45	93		32	61	6	9	0	0	0	0
10	Thôn 5	24	54	48	101		41	77	7	14	0	0	0	1
11	Thôn 6	30	63	61	136		44	85	8	17	0	0	0	2
		454	964	863	1792	251	557	1071	145	285	0	0	5	15

#### 4. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với thiên tai khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiên tai/BDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Ghi chú
1	Trường mầm non	Phòng	27				
	Gồm 3 điểm trường: Khu Liên Minh; Thôn 1; Thôn 3			Khu thôn 1 Chất lượng tốt Khu Liên Minh, Thôn 3 chất lượng thấp	2004 2010	Địa điểm tại thôn Liên Minh và thôn 3 rủi ro cao khi có bão, nước biển dâng	Thôn 1 Mới XD nhà 2 tầng Thôn 3 (2004) Liên Minh nhà mái bằng
2	Trường học tiểu học	Phòng	29	Tốt	2012 2017	Rủi ro thấp	3 dãy nhà 2 tầng (01 dãy đang hoàn thiện)
3	Trường THCS	Phòng	20	Tốt	2004,2005	Rủi ro thấp	Nhà 2 tầng
4	Trạm y tế/ Phòng khám	Phòng	8	Tốt	2015- 2016	Rủi ro thấp	2 Tầng (Đạt chuẩn quốc gia)
5	Đường điện	Km	25,5	Tốt	1994	Rủi ro thấp	100% hộ dân đc sử dụng điện lưới Quốc gia
6	Đường giao thông	Km	39,5				
6.1	Đường liên xã		6,99	Trung bình		Rủi ro trung bình	Đã được đổ nhựa Một số đoạn xuống cấp, đường hẹp, cốt đường thấp

6.2	Đường Liên thôn		22,26	Một số đoạn hiện nay chưa được bê tông hóa		Rủi ro cao	20,25/22,28 (thôn giang sơn- Thành xuân chưa được bê tông);
6.3	Đường nội đồng		10,25				100% chưa được bê tông
7	Trụ sở UBND	Phòng	18	Tốt (trừ Hội trường)		Rủi ro trung bình	Hội trường xuống cấp chuẩn bị XD mới
8	Nhà văn hóa xã/thôn	Nhà	9/11	Thấp		Rủi ro cao 9/11 thôn nhà cấp 4	Hải Sơn, Linh Trường (Đang khởi công)
9	Chợ	Cái	0				Không có chợ

### 5. Đánh giá hiện trạng nhà ở

6.	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Thiếu kiên cố/ cấp 4 xuống cấp	Nhà tạm bợ	Nhà ở các khu vực cần di dời)	Số hộ cần được hỗ trợ làm nhà
1	Giang Sơn	207	49	70	88	0	0	17
2	Linh Trường	304	71	141	92	0	0	21
3	Liên Minh	305	86	160	89	0	14	36
4	Hải Sơn	348	90	170	108	0	0	11
5	Thành Xuân	305	60	148	87	0	0	10
6	Thôn 1	202	53	77	72	0	0	05
7	Thôn 2	188	60	101	47	0	0	11
8	Thôn 3	171	61	71	49	0	0	07
9	Thôn 4	126	35	54	41	0	0	11
10	Thôn 5	167	38	72	60	0	0	11
11	Thôn 6	199	49	85	65	0	0	14
<b>Tổng</b>		<b>2522</b>	<b>672</b>	<b>1050</b>	<b>800</b>	<b>0</b>		<b>159</b>

**Nhận xét :** Với 672 hộ có nhà ở kiên cố làm nơi trú ẩn tại chỗ cho các hộ trong thôn. Tuy nhiên số hộ có nhà bán kiên cố 1.050, nhà thiếu kiên cố 800 hộ. Trong đó có 159 nhà cần được hỗ trợ làm nhà thuộc các đối tượng nghèo, cận nghèo, hộ có người khuyết tật, phụ nữ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình có thu nhập thấp; Dự án hỗ trợ 13 nhà hiện nay các hộ đã làm xong; 56 nhà dự kiến đề xuất dự án hỗ trợ cuối năm 2018.

### 6. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch					Nhà vệ sinh			
		Giếng khoan	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung	Tự hoại	Tạm /bán tự hoại	Không có	Nguy cơ rủi ro thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH

						<i> bình, Thấp)</i>				<i>(Cao, Trung bình, Thấp)</i>
Giang Sơn	207	207	207	0		100% hộ sử dụng	207		0	Nguy cơ rủi ro trung bình
Linh Trường	304	304	304	0		giếng	304		0	
Liên Minh	305	305	305	0		khoan khi mất điện	305		0	
Hải Sơn	348	348	348	0		không có điện để	348		0	
Thành Xuân	305	305	305	0		bơm nước nên các hộ	305		0	Nguy cơ rủi ro cao, gây ô nhiễm môi trường
Thôn 1	202	202	202	0		gia đình		172	0	
Thôn 2	188	188	188	0		không có		160	0	
Thôn 3	171	171	171	0		nước sinh		145	0	
Thôn 4	126	126	126	0		hoạt để		107	0	
Thôn 5	167	167	167	0		dùng		142	0	
Thôn 6	199	199	199	0				169	0	
<b>Tổng</b>	<b>2.522</b>	<b>2.522</b>	<b>2.522</b>	<b>0</b>			<b>1469</b>	<b>895</b>	<b>0</b>	

**Nhận xét:**

Hiện nay đang lắp đặt hệ thống nước sạch của nhà máy nước: 840 hộ đăng ký lắp đặt; Dự kiến hoàn thành xong cuối năm 2018.

**5. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH**

Thôn	Hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh				
		Giếng khoan	Bể chứa	Hộ dùng nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH	Tự hoại	HVS khác	Không có	Nguy cơ rủi ro khi có thiên tai/BĐKH
Giang Sơn	158	0	44		Nước giếng bị nhiễm mặn (cao) Thiếu nước sinh hoạt (cao)	39	145		Nhà vệ sinh bị lốc mái (thấp) Tiêu thoát nước thải khó (thấp)	<b>Thấp</b>
Linh Trường	129	0	59		Nước nhiễm mặn(cao) Thiếu nước sinh hoạt (cao)	97	87		Nhà vệ sinh bị lốc mái (thấp) Tiêu thoát nước thải khó (thấp)	<b>Thấp</b>
Liên	116	0	55			64	109		Nhà vệ sinh	<b>Thấp</b>

Minh									bị lốc mái ( thấp) Tiêu thoát nước thải khó (thấp)	
Hải Sơn	95	0	31			40	85		Nhà vệ sinh bị lốc mái ( thấp) Tiêu thoát nước thải khó (thấp)	<b>Thấp</b>
Thành Xuân	111	0	56		Nước nhiễm mặn(TB) Thiếu nước sinh hoạt (TB)	53	107		Nhà vệ sinh bị lốc mái ( thấp) Tiêu thoát nước thải khó (thấp)	<b>Thấp</b>
Thôn 1	117	0	82		Nước bị nhiễm mặn (cao) Thiếu nước sinh hoạt (cao)	45	160		Nhà vệ sinh bị lốc mái ( thấp) Tiêu thoát nước thải khó (thấp)	<b>Thấp</b>
Thôn 2	177	0	128			143	138		Nhà vệ sinh bị lốc mái ( thấp) Tiêu thoát nước thải khó (thấp)	<b>Thấp</b>
Thôn 3	276	0	72			217	102		Nhà vệ sinh bị lốc mái ( thấp) Tiêu thoát nước thải khó (thấp)	<b>Thấp</b>
Thôn 4	235	0	75		Nước bị nhiễm mặn (cao) Thiếu nước sinh hoạt (cao)	176	110		Nhà vệ sinh bị lốc mái ( thấp) Tiêu thoát nước thải khó (thấp)	<b>Thấp</b>
Thôn	128	0	176			181	122		Nhà vệ sinh	<b>Thấp</b>

5									bị lốc mái ( thấp) Tiêu thoát nước thải khó (thấp)	
Thôn 6	154	0	53		154	61			Nhà vệ sinh bị lốc mái ( thấp) Tiêu thoát nước thải khó (thấp)	<b>Thấp</b>
	<b>184</b> <b>6</b>		<b>676</b>		<b>1209</b>	<b>1313</b>				

**Nhận xét:** Hệ thống cống rãnh tuy đã có nhưng không đảm bảo thoát nước thải sinh hoạt, khi lụt, nước biển dâng toàn bộ chất thải, rác thải khu dân cư ứ đọng gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước; đặc biệt là các hộ sử dụng giếng khoan.

#### 6. Y tế – hiện trạng dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BDKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
	<i>Sốt rét</i>	0	0	0	0	0
	<i>Bệnh sốt xuất huyết</i>	15	1	4	11	1
	<i>Viêm đường hô hấp</i>	120	45	72	98	7
	<i>Tay chân miệng</i>	17	0	0	0	0
	Da liễu( viêm da, lở nước)	29	48	145	28	3
	Tiêu chảy	145	305	0	0	0

**Nhận xét:** Công tác y tế dự phòng của xã thực hiện, trong 10 năm trở lại đây, tại địa phương không có bệnh dịch lớn xảy ra liên quan đến thiên tai và biến đổi khí hậu; mỗi khi có dịch xuất hiện, các thôn đã báo dịch kịp thời, xã đã huy động toàn thể bộ máy chính trị xã hội vào cuộc khống chế, bao vây và dập dịch kịp thời.

- Do vị trí địa lý biển Hoàng Trường như túi đựng nước, rác thải từ thượng nguồn đổ về qua hệ thống nhánh của sông Mã; Rác thải, xác súc vật chết, ... nên nguồn nước ở đây thường bị ô nhiễm do nam giới phải tiếp xúc với nước biển khu vực này nhiều hơn nên các bệnh viêm da thường bị mắc nhiều hơn so với nữ.

- Tỷ lệ nữ mắc các bệnh tiêu chảy nhiều hơn vì do phụ nữ các thôn đi biển thường ở nhà nhiều hơn nam, phong tục tập quán sinh hoạt, ăn uống, thiếu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, ăn chín uống sôi không đảm bảo nên thường mắc nhiều hơn nam. (Nam giới thường đi biển dài ngày ít khi ở nhà).

#### 10. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BDKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình,
----	----------	--	---

			<b>Thấp)</b>
	100% các thôn trong xã	Trung bình	Trung bình

**Nhận xét:** Mỗi thôn đều có 01 trạm y tế chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, phát hiện dịch báo cáo kịp thời khi có dịch xuất hiện. Trạm Y Tế hàng tháng thông báo lịch kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm trong xã.

### 7. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH<sup>3</sup>

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng <b>rủi ro cao</b> với thiên tai, BĐKH	Diện tích rừng thuộc vùng <b>rủi ro trung bình</b> với thiên tai, BĐKH
1	2	3	4
<i>Rừng ngập mặn</i>	0		
<i>Rừng trên cát</i>	146	146	
<i>Rừng tự nhiên</i>	151ha	52	99
<i>Rừng khác</i>			
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng</i>	0	0	0
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng</i>	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>297</b>	<b>198</b>	<b>99</b>

**Nhận xét:** rừng trên cát có xu hướng giảm dần do chuyển đổi diện tích sang làm dịch vụ du lịch. Diện tích đất chưa có cây mang mủn, chủ yếu tại các hộ ven biển.

### 8. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng<sup>4</sup>

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
(1)	(2)	(3)	(4)
<i>Rừng ngập mặn</i> <i>Rừng trên cát</i>	<i>Không có</i>  <i>Phi lao</i>	- <i>Chủ yếu làm chất đốt</i> - <i>Du lịch sinh thái</i> - <i>Chăn nuôi</i>	<i>575 hộ</i>
<i>Rừng tự nhiên</i>	<i>0</i>		
<i>Rừng khác</i>	<i>0</i>		
<i>Diện tích quy hoạch</i>	<i>0</i>		

<sup>3</sup> Phục vụ cụ thể cho dự án GCF

<sup>4</sup> Phục vụ cho dự án GCF

<i>trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng</i>			
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng</i>	0		
<b>Tổng</b>			

### 9. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt (ha)	650	12, 3 tỷ	Thấp	cao
2	Chăn nuôi	195	4,5 tỷ	Trung bình	Trung bình
3	Nuôi trồng thủy sản (ha)	25	3,500 tấn/năm	Thấp	cao
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	691	25 tỷ đồng/năm	Trung bình	cao
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (thu nhập bình quân)	22	15,5 tỷ đồng/năm	Trung bình	Trung bình
6	Buôn bán (thu nhập bình quân)	253	15 tỷ, năm	Trung bình	Thấp
7	Du lịch	0	40 tỷ đồng/năm	Thấp	cao

#### Nhận xét chung

Loại hình sản xuất chủ yếu của xã là đánh bắt hải sản, nuôi trồng, chế biến hải sản và trồng trọt. Trong thời gian gần đây đang mạnh nha hoạt động du lịch. Các hoạt động sản xuất kinh doanh hầu hết phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên;

- Nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy và chế biến hải sản sẽ thất thu khi thiên tai xảy ra; 691 tàu thuyền với 2138 người, đa số người dân còn chủ quan; phương tiện thông tin cảnh báo cũ, xuống cấp, thiếu nơi neo đậu an toàn; Toàn xã có 12 máy liên lạc ICOM với các tàu thuyền, các thuyền có bộ đàm nhưng hầu hết các máy này đều đã cũ, thường bị hỏng khi sử dụng nên mỗi khi thiên tai, liên lạc bị gián đoạn với đất liền. Mặt khác các tàu thuyền khi vào bờ thiếu bến neo đậu an toàn, thiếu kỹ năng neo đậu nên nhiều thuyền bị hư hỏng, bị chìm do va đập; Nuôi trồng thủy hải sản đều nằm sát mép biển, bờ ao đằm yếu, thấp dễ vỡ, kinh nghiệm còn hạn chế,

- Sản xuất nông nghiệp sẽ thất thu nếu xảy ra nước biển dâng vì hệ thống tiêu kém, các cống tiêu và cống dưới đê xuống cấp, bị vùi lấp.

- Trên địa bàn xã không có hệ thống mương tưới nên toàn bộ diện tích lúa và hoa màu 146 ha đều bị thiệt hại nặng khi có hạn hán.

## 10. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100%
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100%
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	64 trong đó có 4 loa cầm tay
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủa, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100%
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	0	
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Thôn/Tổng số thôn	11/11 thôn

### Nhận xét chung

Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm khá hoàn chỉnh. Hệ thống loa được phủ khắp toàn xã, các phương tiện thông tin đại chúng đa dạng, hệ thống cảnh báo sớm cho tàu thuyền đã có đến từng thuyền, tàu, cảng.

Hệ thống truyền thanh của các thôn đã xuống cấp, chưa được tu sửa thường xuyên. Khi có thiên tai, đài truyền thanh xã kịp thời thông báo cho người dân, các thôn phát lại tin của xã nhiều lần trong ngày, các tổ chức quần chúng xã hội cử các hội viên, đoàn viên đến từng hộ dân thông báo, nhắc nhở.

## 15. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	Không
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	không
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	Mỗi năm 1 lần
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	31
	- Trong đó số lượng nữ	Người	10
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT	Người	5
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	108
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	0
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU BĐKH dựa vào cộng đồng	Người	0
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	0
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		



	- Ghe, thuyền:	Chiếc	41
	- Áo phao+ phao tròn	Chiếc	500 tại BCH-PCTT xã 100% hộ đánh bắt hải sản đã có áo phao
	- Loa	Chiếc	Loa nén 60 cái; loa cầm tay 4 cái
	- Đèn pin/ đèn acqui	Chiếc	4 cái
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	01
	- Lều bạt/ vải bạt	Chiếc/m2	200 m2
	- Xe vận tải	Chiếc	34
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	kg	2 kg
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Cơ số	1 cơ số
10	Khác ... máy Icom 16, bộ đàm 547 cái; máy tăng âm 01 cái, đá học 5 m3, tre 100 cây, bao tải 1000 cái, rọ thép 20 cái, cọc tre 200 cái, ...		

#### Nhận xét:

Điểm mạnh: xã đã có ban CHPCTT-TKCN hoạt động tốt, phân công trách nhiệm, đã xây dựng các phương án ứng phó cụ thể, phù hợp, chỉ huy, chỉ đạo cụ thể, kịp thời, sâu sát. Đảm bảo trực 24/24 khi có thiên tai.

Điểm yếu:

BCH-PCTT xã đều kiêm nhiệm, hầu hết chưa được tập huấn; Các thôn đều chưa có hoạch PCTT. Tỷ lệ nữ trong lực lượng PCTT thấp. Chưa lồng ghép kế hoạch PCTT vào kế hoạch PTKT-XH của địa phương. Việc thực hiện phương châm “4 tại chỗ” của người dân còn hạn chế.

### C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

#### 1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Liệt kê các thôn bị ảnh hưởng	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
BÃ0, nước biển dâng,	Điện	Giữ nguyên	(thấp) Cột điện hạ thế	TB + Hệ thống điện sáng:	Thấp

ngập lụt			xuống cấp 30 cột - Đường điện từ công tơ đến các hộ thấp, cột điện chưa kiên cố	25,4 km đường dây điện an toàn.	
	Trường	Giảm	Thấp - Trường mầm non 02 khu Liên Minh, thôn 3 vũng trũng, thấp; Các cửa kính có thể bị vỡ Tôn chống nóng bị bay	Trường mầm non được kiên cố: xây dựng mới 12 phòng học 2 tầng và khu phụ trợ, giá trị 12 tỷ đồng, bằng nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất; Có khả năng làm nơi trú ẩn an toàn 1,000 người); - Trường tiểu học : 01 ( số phòng 29 ; Có khả năng làm nơi trú ẩn an toàn 1.015 người); - Trường THCS: 01 ( số phòng 20 ; Có khả năng làm nơi trú ẩn an toàn 700 người); Công trình vệ sinh, nước sạch đảm bảo.	Trung bình
	Trạm y tế	Giữ nguyên	Thấp - Trạm y tế chưa có trang thiết bị kỹ thuật cao trong khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân - Các cửa kính có thể bị vỡ Tôn chống nóng bị bay	Trung bình Nhà 2 tầng đảm bảo việc thu dung, khám chữa bệnh cho người dân;	Thấp
	Đường	Giữ nguyên	Cao 1300m trục đường chính bị ngập do trũng, thiếu hệ thống cống rãnh tiêu nước	Trung bình - Đường liên xã 6,99 km được kiên cố. - Đường giao thông làm đường sơ tán an toàn 22,26km (từ thôn Giang Sơn đến thôn 1)	(cao)
	Đê biển, công, hệ thống	Tăng	Cao 300 m đê biển dễ bị tràn, bị vỡ. 3700 m bờ biển bị xâm thực mạnh chưa	Trung bình 0,3km đê biển nhưng là đê đất	(cao)

	tiêu thoát nước		có đê - Cống khe Am thường xuyên bị tắc do sạt lở		
--	-----------------	--	--	--	--

**Nhận xét:**

**Cột 4: Tình trạng dễ bị tổn thương:** Hệ thống điện đều mới được củng cố, sửa chữa lớn nên khá an toàn. 100% cột đều là cột bê tông, tuy nhiên vẫn có 30 cột không an toàn chưa được thay thế mới; Trường học: Cửa các phòng đều là cửa kính dễ bị vỡ, lối đi lại chưa thuận lợi cho người khuyết tật vận động; Y tế: trang bị cho sơ cấp cứu còn hạn chế đặc biệt thiếu phương tiện vận chuyển nạn nhân

- Giao thông: các tuyến đường thiếu hệ thống thoát nước nên thường bị ngập khi có mưa to, nước dâng

- Đê biển: Đê biển, cống, hệ thống tiêu thoát nước: Toàn xã chỉ mới 0,3km đê biển, đoạn đê này đắp bằng đất và hiện tại đã xuống cấp nghiêm trọng, các cống dưới đê, cống thoát, mương tiêu thường bị tắc đặc biệt là cống khe Am;

**Cột 5: (Năng lực Phòng chống thiên tai):**

+ Trường học: 100% các phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc đều kiên cố có thể dùng làm nơi sơ tán khi có thiên tai nhưng số lượng nhà tiêu và phương tiện dự trữ nước thiếu nếu tiếp nhận dân sơ tán đến, ý thức của GV/HS trong PCTT tốt nhưng Kiến thức về thiên tai BĐKH của học sinh còn hạn chế.

+ Trạm Y tế: Phòng làm việc, phòng chức năng đều kiên cố, trạm có đủ biên chế và có chất lượng, có mạng lưới y tế thôn hoạt động tốt.

+ Trục đường liên xã, liên thôn và nội thôn đều đã được cứng hóa 100%.

**Cột 6: Rủi ro thiên tai:** Cột điện, đường dây điện từ công tơ vào các hộ mất an toàn khi thiên tai xảy ra; 2 điểm trường mầm non mất an toàn khi có lụt, nước biển dâng; Hệ thống cửa kính các trường mất an toàn khi thiên tai xảy ra.

**1. Kết quả đánh giá về nhà ở**

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d.	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTĐBTT/Nguyên nhân bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng	11 thôn: Giang Sơn Linh Trường Liên Minh Hải Sơn Thành Xuân Thôn1 Thôn 2 Thôn 3 Thôn 5 Thôn 6 Thôn 4	Tăng	Cao - Nhà cấp 4 xuống cấp: 99 cái - Kết cấu nhà yếu không có con lươn, con chạch nẹp lại - Công tác tuyên truyền cảnh báo sớm còn hạn chế - 762 nhà ở gần mép biển, sông trong đó có 283 hộ nằm ở vị trí nguy cơ sạt lở, sạt biển	Trung bình	cao
Sạt lở đất/núi, mép biển	<i>Linh Trường Liên Minh Hải Sơn Thành minh, Giang Sơn thôn 4</i>	Giữ nguyên	Trung bình - 58 nhà nằm sát chân núi - 450 nhà sát vùng biển xâm thực cao	Trung bình	Cao

**Nhận xét:**

**Cột 4: Tình trạng dễ bị tổn thương:** Số nhà bán kiên cố: 1.050 nhà

- Nhà thiếu kiên cố 800 cái. Trong đó có 159 nhà cần được hỗ trợ làm nhà thuộc các đối tượng nghèo, cận nghèo, hộ có người khuyết tật, phụ nữ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình có thu nhập thấp; Dự án hỗ trợ 13 nhà hiện nay các hộ đã làm xong; 56 nhà dự kiến đề xuất dự án hỗ trợ cuối năm 2018.

+ Các hộ ở mép nước, gần mép nước biển cửa sông, hộ nuôi trồng thủy sản **762** hộ

+ **Đa số** người dân thiếu kiến thức về thiên tai, BĐKH, còn có tư tưởng chủ quan không chủ động chằng chống nhà và thiếu kỹ năng chằng chống nhà nên nguy cơ nhà bị đổ, hư hại cao Nhà tạm bợ, nhà thiếu kiên cố trong toàn xã thì hầu hết là được xây dựng lâu năm; thuộc các hộ có người già; hộ nghèo và cận nghèo nên khả năng tự nâng cấp và tu sửa trước mùa thiên tai là rất hạn chế; khả năng chịu rủi ro rất cao;

**Cột 5: (Năng lực phòng chống thiên tai):** Có 672 nhà ở kiên cố nằm rải rác 11/11 thôn làm nơi trú ẩn an toàn cho các hộ dân; Kinh tế ngày càng phát triển đa số các hộ chủ động làm nhà bán kiên cố, có phòng trú ẩn khi có bão;

**Cột 6: Rủi ro thiên tai:** 800 nhà ở thiếu kiên cố, 1.050 nhà bán kiên cố có nguy cơ bị tốc mái, đổ hư hỏng khi có bão; Các hộ vùng mép nước nhà có thể bị trôi, sập đổ khi thiên tai xảy ra.

**2. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

Loại hình Thiên tai/BĐKH H.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng (Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ	Số hộ có nhà tiêu không hợp vệ sinh	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)

			<i>sinh khi có thiên tai)</i>			
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)
Xâm nhập mặn, hạn hán	Thôn 1	Tầng	104 hộ	Không	Trung bình	Trung bình
	Thôn 6	Tầng	115 hộ	không		
	Liên Minh	Tầng	198 hộ	không		

**Nhận xét:**

**\*Tình trạng dễ bị tổn thương:** 80% hộ dùng nước giếng khoan, vì vậy thiếu nước sạch đối với họ trong thời gian tới sẽ gia tăng do nguy cơ hạn tầng sẽ làm tăng nhiễm mặn nước sinh hoạt; Các thôn thường bị ảnh hưởng nhiều nhất: thôn Liên Minh, thôn 1, thôn 6;

Đã có hệ thống nước sạch nhưng đa số các hộ chưa có ý thức sử dụng nước sạch nên không tham gia đóng góp kinh phí lắp đặt đường ống vào hộ dân;

**\*Năng lực phòng chống thiên tai:** Hiện nay đã có hệ thống nước sạch đã lắp đặt đường ống đến xã và các thôn, đang chờ hoàn thiện;

**\*Rủi ro thiên tai:** Nước sinh hoạt bị ô nhiễm, nhiễm mặn khi thiên tai và tác động của BĐKH; Sức khỏe của con người bị ảnh hưởng do sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm.

**3. Kết quả đánh giá về y tế**

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b>	<b>Thôn/Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b>	<b>TTDBTT</b>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, APNĐ, nước biển dâng, rét hại	6/10	Giữ nguyên	Trung bình	Trung bình	Cao

**Nhận xét:**

**\*Tình trạng dễ bị tổn thương:** Trạm y tế chưa có trang thiết bị kỹ thuật cao trong khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân; Công tác tuyên truyền về sức khỏe vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên; Chưa tổ chức tập huấn kiến thức kỹ năng sơ cấp cứu cho lực lượng cứu hộ cứu nạn; Không quản lý được các cửa hàng bán thuốc chữa bệnh trên địa bàn. Tuy vậy với một xã đông dân, nếu thiên tai lớn xảy ra sẽ thiếu nhân lực và trang bị đặc biệt là phương tiện vận chuyển;

**\*Năng lực phòng chống thiên tai:**

Trạm y tế đã được kiên cố hóa, có đủ phòng làm việc và các phòng chức năng Cơ sở khám chữa bệnh, có đủ trang thiết bị cần thiết cho hoạt động khám chữa bệnh, có 01 cơ sở thuốc PCTT, có đủ hóa chất thanh khiết môi trường, xử lý nước khi có thảm họa xảy ra; Có 6 cán bộ y tế: 01 bác sỹ, 3 cao đẳng, 2 trung cấp trong đó có 01 nữ hộ sinh; 1/11 thôn có cán bộ y tế thôn. Đội ngũ y tế có trình độ chuyên môn, nhiệt tình; Chủ động phòng chống dịch, thường xuyên kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm trên địa bàn xã, làm tốt công tác vệ sinh môi trường;

**\*Rủi ro thiên tai:** Nguy cơ dịch bệnh bùng phát khi thiên tai xảy ra.

#### 4. Kết quả đánh giá về giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Trường	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, ATNĐ, nước biển dâng	3 trường: THCS, tiểu học, mầm non	Giảm	Tung bình	Trung bình	Trung bình

#### Nhận xét:

**\*Tình trạng dễ bị tổn thương:** Các phương tiện cứu hộ cứu nạn trong các nhà trường không có; Công tác tuyên truyền chưa được làm thường xuyên, chưa tích hợp PCTT/BĐKH vào các bài giảng, nhận thức về thiên tai và BĐKH ở HS còn hạn chế. Chưa đưa nội dung tuyên truyền PCTT vào các buổi sinh hoạt ngoại khóa một cách thường xuyên; Hệ thống cửa sổ các nhà trường bằng kính;

#### \*Năng lực phòng chống thiên tai:

Trường: mầm non, tiểu học, THCS cao tầng có đủ các phòng học phục vụ cho dạy và học, là nơi sơ tán cho các hộ dân khi thiên tai xảy ra; Giáo viên và học sinh đã được tập huấn kiến thức PCTT, có ý thức chủ động trong PCTT; Hàng năm các trường xây dựng KHPCTT theo chỉ đạo của PGD-ĐT và Ban chỉ huy PCTT&TKCHCN của xã;

**\*Rủi ro thiên tai:** Học sinh có nguy cơ bị thương tích, đuối nước.

#### 5. Kết quả đánh giá về rừng:

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn	Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, nguyên)	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, ATNĐ	Giang Sơn		Tăng	Cao	Trung bình	(Cao)
	Linh Trường	3				
	Liên Minh	1				
	Hải Sơn	3				
	Thành Xuân	16				
	Giang Sơn	4				
	Thôn 1	5				
	Thôn 4	6				
	<b>Tổng số hộ</b>	<b>38 hộ</b>				

**Nhận xét:**

\***Tình trạng dễ bị tổn thương:** Rừng trên cát có xu hướng giảm vì địa phương đang có kế hoạch phát triển du lịch; không có các mô hình phát triển kinh tế từ rừng; Công tác tuyên truyền trồng rừng phân tán (trồng trong khu dân cư) chưa được quan tâm;

\***Năng lực Phòng chống thiên tai:** Diện tích rừng phòng hộ và rừng trên cát là: 146ha + 151ha = 297ha; Người dân có kinh nghiệm trồng và bảo vệ rừng, hàng năm xã thực hiện cắt đường băng cản lửa, hàng năm có tổ chức diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng;

\***Rủi ro thiên tai:** Nguy cơ cháy rừng cao do hạn hán kéo dài;

**6. Kết quả đánh giá về trồng trọt**

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn	Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, lụt, nước biển dâng, nhiễm mặn, hạn hán	Thôn 1	196	Thiệt hại ngày càng nhiều	Cao	Trung bình	Cao
	Thôn 2	184				
	Thôn 3	168				
	Thôn 4	123				
	Thôn 5	166				
	Thôn 6	193				
	<b>Tổng</b>	<b>1.030</b>				

**Nhận xét:**

\***Tình trạng dễ bị tổn thương:** 142 ha đất trồng trọt của xã ở vùng nguy cơ cao: ngập lụt về mùa mưa bão, hạn khi nắng nóng kéo dài vì vậy chỉ gieo trồng lúa được một vụ chiêm; Trong đó có 32 ha trồng lúa (thôn 5,6) nguy cơ rất cao; Diện tích trồng trọt bị nhiễm mặn thôn 1, 2 là 6,0 ha. Tuy đã thực hiện đôn điền đổi thửa nhưng vẫn còn nhỏ lẻ; việc gieo trồng phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên; 4,7km bờ biển không có đê; Tuyến kênh tiêu Phúc Ngư 2 từ thôn 6 đến cống tiêu Phúc Ngư hiện nay có đoạn còn ách tắc, bè nhiều gây cản trở dòng chảy cần được xử lý trước mùa mưa bão; Tuyến mương thôn 1 đoạn ngoài Chút đến cống 3 của còn ách tắc cần được xử lý; Tuyến mương từ thôn 5 qua đồng Quang, đi đồng đằm thôn 3 về thôn 2, tuyến kênh mương phúc ngư 2 từ thôn 6 đến cống 3 của còn ách tắc; Cống 3 cửa (Cống tiêu Phúc ngư) hiện nay hỏng roong cánh cửa cả 3 cửa; 3 cống sau cống Phúc ngư tiêu nước và ngăn mặn, đã lắp được cánh cửa cống và ổ khoá V5 Cống trên ông Hỵ và cống ngoài ông Xây thôn 2, song cống trên ông Hỵ cánh cửa cống không sử dụng được, cần được sửa chữa; còn 1 cống tại thôn 1 chưa lắp được ổ khoá và cánh cửa cống, gây khó khăn đến việc ngăn nước mặn xâm nhập qua cửa cống phúc ngư khi nước biển dâng cao;

\***Năng lực phòng chống thiên tai:** 0,3 km đê biển (đê đất), 2km đê sông chưa được kiên cố hóa; Hệ thống công trình thủy lợi toàn xã có 28 kênh mương tiêu, có 3 tuyến kênh mương tiêu chính đổ về cống Phúc Ngư (kênh phúc ngư 2, tuyến thôn 1, tuyến thôn 2); 25 kênh mương tiêu nội đồng, nội làng đã được kiên cố. Tổng diện tích gieo trồng cả năm: 352,0 ha;

- Diện tích trồng hoa màu: cây lạc: 97,0 ha; cây khoai lang: 53 ha; cây vừng: 5.0 ha. Tập trung đầu tư, áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện tốt quy trình kỹ thuật cho

từng loại cây trồng, đảm bảo đúng thời vụ, chỉ đạo 6 thôn nông nghiệp gieo trồng hết diện tích, phát hiện và phòng trừ sâu bệnh kịp thời, có hiệu quả;

\* **Rủi ro thiên tai:** Hệ thống kênh mương bị sạt lở hư hỏng khi thiên tai, tác động của BĐKH; Mất mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu khi thiên tai xảy ra;

## 7. Kết quả đánh giá về chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn	Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt, nước biển dâng	Giang Sơn	4	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
	Linh Trường	20				
	Liên Minh	25				
	Hải Sơn	50				
	Thành Xuân	3				
	Thôn 1	10				
	Thôn 2	15				
	Thôn 3	19				
	Thôn 4	20				
	Thôn 5	16				
	Thôn 6	13				
	Tổng	195				

### Nhận xét:

\***Tình trạng dễ bị tổn thương:** Chuồng trại tạm bợ, Các hộ chăn nuôi chưa dự trữ đủ thức ăn cho vật nuôi; giống con nuôi không có địa chỉ tin cậy; tiêm phòng không thường xuyên; không có HTX cung ứng vật tư nông nghiệp; Công tác tiêm phòng, kiểm dịch thú y chưa được làm thường xuyên; Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, không làm hầm Biogas gây ô nhiễm môi trường;

\***Năng lực phòng chống thiên tai:** 70% công việc chăn nuôi là do phụ nữ đảm nhận. Họ thường xuyên được ban thú y của xã, huyện tập huấn kiến thức chăm nuôi, phòng trừ dịch bệnh, xử lý ban đầu khi dịch bệnh xảy ra luôn đảm bảo chuồng trại sạch sẽ;

### \*Rủi ro thiên tai:

Chuồng trại có nguy cơ bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra; Gia súc, gia cầm bị chết, trôi dịch bệnh khi thiên tai xảy ra.

## 8. Kết quả đánh giá ngành thủy sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm)	TTDBTT (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)



		<i>nguyên, Giảm)</i>		<i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.Đánh bắt					
Bão, lụt, nước biên dâng	Giang Sơn	tăng		Trung bình Cao)	Cao
	Linh Trường				
	Liên Minh				
	Hải Sơn				
	Thành Xuân				
	Thôn 1				
	Thôn 2				
	Thôn 3				
	Thôn 4				
	Thôn 5				
Thôn 6					
2.Nuôi trồng thủy sản		<b>Tăng cao</b>			
	Thôn Giang Sơn Linh Trường Thành Xuân Thôn 1 Thôn 2 Thôn 5 Thôn Liên Minh			- Được tập huấn kỹ thuật nhưng ít, chưa thường xuyên - Thường xuyên theo đổi thông tin thời tiết - Thường xuyên tuyên truyền - Cảnh báo kịp thời	

**Nhận xét:**

**\*Tình trạng dễ bị tổn thương:** Số tàu thuyền đánh bắt gần bờ có công suất bé, đa số các chủ phương tiện chưa trang bị cảnh báo sớm và trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; Thiếu nơi neo đậu tàu thuyền, lao động đánh bắt chưa được tập huấn kiến thức kỹ năng sơ cấp cứu; 6,9 ha ao, đầm sát mép sông, mép biển, bờ bao nuôi trồng thủy sản chưa được kiên cố; Các hộ nuôi trồng thiếu kiến thức PCTT, BDKH, kiến thức nuôi trồng thủy sản;

**\*Năng lực PCTT:** Số tàu thuyền đánh bắt xa bờ: 97 cái (1.067 người), Tàu thuyền đánh bắt gần bờ: 525 cái (1.070 người), có 14 hộ chế biến sứa = 210 lao động (nữ chiếm 90-95%, 5-10% nam); Người dân có kinh nghiệm đánh bắt, có kỹ năng bơi lội và có sức khỏe; có các tổ đội đoàn kết giúp đỡ nhau;

**\*Rủi ro thiên tai:** Người có thể chết, bị thương khi thiên tai xảy ra; Tàu, thuyền và ngư lưới cụ bị trôi, mất, hư hỏng khi thiên tai xảy ra; Bờ bao nuôi trồng thủy sản bị vỡ, tràn khi thiên tai xảy ra;

### 9. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch: Không có

Loại hình Thiên tai, BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số thôn/hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

#### Nhận xét:

- Người dân địa phương không trực tiếp làm du lịch mà làm gián tiếp cung cấp hậu cần như: cá, thịt, rau, cho thuê phao, bán hàng rong, nên các cơ sở vật chất phục vụ du lịch còn thiếu, chưa có sự đầu tư do cần nguồn vốn lớn, công tác tuyên truyền về du lịch chưa đồng bộ; hệ thống đê chắn sóng kiên cố chưa được đầu tư; năm 2018 mới đầu tư xây dựng 1km. Quy hoạch nhà nghỉ, điện, đường phục vụ du lịch chưa đồng bộ, các công ty: công ty Sứ Đoàn 126, Ngân Hạnh, Quốc Chí xây dựng quá gần mép nước, với 500 phòng nghỉ cho 1.200 khách nghỉ. Thu hút tạo việc làm cho 200 lao động thời vụ.

Hầu hết nhân lực phục vụ hoạt động du lịch là nữ; Hoạt động du lịch diễn ra từ nửa cuối tháng 5 đến hết tháng 8. Đây là thời gian mưa, bão thường xảy ra nên sự thu hút khách hạn chế. Tổng thu nhập cũng phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên.

### 10. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, ATNĐ	11 thôn	tăng	253 hộ tiêu thụ thiếu hàng để bán	Trung bình	Trung bình

#### Nhận xét:

**\*Tình trạng dễ bị tổn thương:** Lều quán tạm bợ, chủ yếu buôn bán nhỏ kinh doanh theo kinh nghiệm, thiếu kiến thức kinh doanh, chất lượng hàng hóa chưa được kiểm định thường

xuyên, tâm lý người dân thích mua hàng rẻ tiền; Khi thiên tai xảy ra không tiêu thụ sản phẩm, không có sản lượng khai thác; Giá cả không ổn định phụ thuộc vào thương lái thu mua.

**\*Năng lực Phòng chống thiên tai:** Người dân địa phương buôn bán dịch vụ hậu cần nghề cá (Bao gồm thu mua hải sản, cung cấp dịch vụ đá lạnh, dầu diezen, hệ thống nước sạch, lương thực, thực phẩm, ngư, lưới cụ). 97% phụ nữ tham gia, tạo áp lực công việc cho phụ nữ; địa phương cũng đã chủ động tìm một số thị trường đầu ra cho sản phẩm khai thác thủy hải sản như thị trường Trung Quốc, Nghệ An.

**\* Rủi ro thiên tai:** Lều quán bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra, hàng hóa bị ướt, trôi, mốc khi thiên tai xảy ra.

### 11. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về thiên tai, biến đổi khí hậu và cảnh báo sớm;

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, ATNĐ, ngập lụt, nước biển dâng		Không thay đổi	Trung bình	cao	Trung bình

**Nhận xét:**

**Cột 4: Tình trạng dễ bị tổn thương:** Các trang, thiết bị thông tin đều cũ, hoạt động kém hiệu quả, các thôn chưa có loa cầm tay, hình thức tuyên truyền cảnh báo sớm chưa hiệu quả; Đa số người dân thiếu kiến thức PCTT, BĐKH, một số hộ dân chấp hành lệnh chưa nghiêm việc sơ tán di dời, chưa tham gia tích cực các hoạt động PCTT của địa phương;

**Cột 5: Năng lực phòng chống thiên tai:**

Xã có hệ thống truyền thanh đến tất cả các thôn. 90% các hộ dân có thể nghe được thông tin phát thanh từ xã, thôn; các phương tiện đánh bắt hải sản có thể liên lạc được với đất liền và ngược lại. Xã có 16 Icom, 100% các hộ đánh bắt xa bờ, 75% hộ đánh bắt gần bờ có máy bộ đàm. Hầu hết các hộ đều có điện thoại di động, - 60% hộ có Internet, đại đa số người dân đã biết sử dụng internet.

**Cột 6; Rủi ro thiên tai:**

- Tàu thuyền, ngư lưới cụ có thể bị hư hỏng, mất mát khi thiên tai xảy ra.
- Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra.

### 12. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUBĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, ATNĐ,	Thôn 1/202	Tăng	Cao	Trung bình	Cao

<b>Nước biển dâng, ngập lụt</b>	<i>Thôn 2/188</i>	Tăng	TB	Trung bình	TB
	<i>Thôn 3/171</i>	Tăng	TB	Trung bình	TB
	<i>Thôn 4/123</i>	Tăng	TB	Trung bình	TB
	<i>Thôn 5/167</i>	Tăng	TB	Trung bình	TB
	<i>Thôn 6/199</i>	Tăng	TB	Trung bình	TB
	<i>Thành xuân/305</i>	Tăng	Cao	Trung bình	Cao
	<i>Hải Sơn/348</i>	Tăng	Cao	Trung bình	Cao
	<i>Liên Minh/305</i>	Tăng	Cao	Trung bình	Cao
	<i>Linh Trường/304</i>	Tăng	Cao	Trung bình	Cao
	<i>Giang Sơn/207</i>	Tăng	Cao	Trung bình	Cao
	<b>Tổng 11 thôn/2522 hộ</b>				

**Nhận xét:**

**Cột 4: Tình trạng dễ bị tổn thương:** Thành phần tham gia của nữ trong PCTT còn ít nên sự đóng góp ý kiến của phụ nữ còn rất hạn chế, những nhu cầu của phụ nữ chưa được đáp ứng; Các thành viên Ban chỉ huy PCTT & TKCHCN chưa được đào tạo, tập huấn 100% đều là kiêm nhiệm. Hàng năm được kiện toàn nhưng chưa có quy chế hoạt động. Trình độ năng lực của các thành viên không đồng đều. Việc sử dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ có những hạn chế, Luật PCTT, Đề án 1002 chưa triển khai đến người dân; Sự phối kết hợp giữa các thành viên BCHPCTT & Tìm kiếm cứu nạn chưa được thường xuyên:

**Cột 5: Năng lực phòng chống thiên tai:** Tất cả 11 thôn trong xã đã thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ”, do đó các thôn trong xã đều làm tốt nhiệm vụ khi thiên tai xảy ra. Các thôn đều có tiểu ban PCTT, có lực lượng cứu hộ, cứu nạn, tổ thông tin hỏa tốc, xung kích, lực lượng y tế, an ninh thôn. Trong các hoạt động trên, phụ nữ chủ yếu được phân công tuyên truyền, cảnh báo, hậu cần, động viên các hộ khi sơ tán và bị thiệt hại. Lực lượng ứng cứu hộ đê là 220 người biên chế thành 11 tổ, giao cho 11 thôn, mỗi thôn 20 người. Lực lượng tuần tra 20 lao động giao cho 2 thôn: Thôn 1: 10 lao động; Thôn 2: 10 lao động. Tổ quản lý đê: 6 lao động; thôn 1: 3 lao động; thôn 2: 3 lao động. Đa số các lực lượng tham gia PCTT & CHCN có kinh nghiệm; có kiến thức kỹ năng bơi lội.

**D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP;**

**1. Phân tích nguyên nhân:**

<b>Thiên tai</b>	<b>Rủi ro thiên tai</b>	<b>Nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp</b>	<b>Giải pháp</b>
Bão, ATNĐ, nước biển dâng	1. Nhà có nguy cơ bị đổ sập 159 hộ (Có 56 nhà rủi ro cao);	- 20% hộ dân còn chủ quan chưa chủ động chằng chống nhà cửa. - Hộ nghèo, thu nhập thấp không có khả năng để xây dựng nhà kiên cố.	- Tuyên truyền vận động người dân nâng cao nhận thức về chằng chống nhà cửa; phổ biến luật PCTT đến người dân thông qua hội nghị - Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các hộ; cần thiết có biện pháp cưỡng chế.

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH, kiến thức xây nhà an toàn trước thiên tai, thích ứng BĐKH.</li> <li>- Vị trí địa lý ở vùng có nguy cơ cao.</li> <li>- Do vị trí nhà ở của các hộ dân ở ven sông, núi, biển (33%).</li> <li>- Các hộ lấn chiếm các khu vực để xây nhà.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư, nâng cấp hệ thống loa truyền thanh từ xã đến các thôn.</li> <li>- Kêu gọi, vận động các cá nhân, tổ chức hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ có nhà ở kém an toàn.</li> <li>- Đầu tư xây dựng kè đê biển, đê sông</li> <li>- Giao cho các hộ trồng bổ sung diện tích rừng ven biển, rừng phòng hộ; trồng cây trong khu dân cư bảo vệ môi trường.</li> <li>- Rà soát diện tích rừng tại khu du lịch, bảo tồn diện tích rừng hiện có tại khu du lịch;</li> <li>- Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng và diễn tập trong công tác xây dựng nhà.</li> <li>- Tuyên truyền các hộ lấn chiếm các khu vực có nguy cơ cao để họ tự nguyện đến nơi an toàn, kết hợp với sự cưỡng chế của chính quyền địa phương.</li> <li>- Vận động các gia đình chủ động xây dựng nhà ở có kết cấu vững chắc phù hợp với điều kiện kinh tế gia đình.</li> <li>- Kêu gọi sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ, ngân hàng để vay vốn ưu đãi.</li> </ul>
	<p>2.Tàu, thuyền phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản bị trôi, hư hỏng khi thiên tai xảy ra</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10% chủ tàu thuyền, 50% chủ các phương tiện đánh bắt nhỏ còn chủ quan trong việc bảo quản phương tiện đánh bắt và các ngư cụ;</li> <li>- Một số phương tiện cảnh báo sớm hư hỏng, không sử dụng được do người dân ham rẻ mua thiết bị đã qua sử dụng.</li> <li>- Không có nơi neo đậu tàu thuyền tránh trú bão.</li> <li>- Thiếu sự đoàn kết, hỗ trợ, giúp đỡ giữa các tổ, đôi khi đang khai thác, đánh bắt hải sản trên biển mà gặp thiên tai.</li> <li>- Kinh nghiệm neo đậu tàu thuyền khi có thiên tai xảy ra chưa đúng quy cách, chưa phù hợp .</li> <li>- Chưa được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn và kỹ thuật neo đậu tàu thuyền.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền cho các chủ tàu và người dân trong việc bảo quản phương tiện trên hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn</li> <li>- Quy hoạch và đầu tư, xây dựng âu tránh trú thiên tai cho các phương tiện tàu, thuyền, bè mảng cho phù hợp</li> <li>- Vận động các chủ tàu, bè đầu tư mới các thiết bị thông tin liên lạc như: bộ đàm, icom có chất lượng đảm bảo.</li> <li>- Đề nghị phòng nông nghiệp huyện đầu tư hệ thống liên lạc tầm xa cho các chủ phương tiện đánh bắt.</li> <li>- Tổ chức tập huấn cho các tổ, đội khai thác về kiến thức, kỹ năng và thực hành diễn tập trên biển về công tác sơ cứu tai nạn thương tích, phòng ngừa ứng phó thiên tai, ...</li> <li>- Phối hợp với các lực lượng đóng trên địa bàn tổ chức lớp hướng dẫn thực hành cách neo đậu tàu, thuyền, bè mảng cho các chủ tàu và lao động tham gia đánh bắt.</li> <li>- Tổ chức diễn tập công tác PCTT cho các thôn ở vùng có nguy cơ cao.</li> </ul>
	<p>3.Hệ thống</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống truyền thanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận động nguồn lực và sự đóng góp của</li> </ul>

<p>truyền thanh có thể bị gãy đổ, hư hại khi có thiên tai</p>	<p>chưa được đầu tư nâng cấp truyền tải riêng mà hiện nay dùng chung với các trạm điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống truyền thanh còn đi kèm với nhiều hệ thống khác như: đường điện, cáp, internet.</li> <li>- Do dân cư và địa hình rộng, mạng lưới truyền thanh chưa phủ khắp đến các hộ dân.</li> </ul>	<p>các hộ dân để</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư hệ thống truyền tải cho truyền thanh riêng biệt.</li> </ul> <p>(Cần tách biệt đường truyền của hệ thống truyền thanh; Đầu tư thêm hệ thống loa và đường dây truyền dẫn)</p>
<p>4. Nguy cơ dịch bệnh có thể bùng phát</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thôn 5, 3, 4, Linh Trường, Liên Minh, Giang Sơn nằm ở khu vực trũng, sát mép nước, ven sông, núi khi có thiên tai xảy ra các khu vực này bị ngập.</li> <li>- Hệ thống công thoát nước sinh hoạt chưa đảm bảo, chưa được đầu tư xây dựng;</li> <li>- Ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt do đa số người dân dùng nước giếng khoan;</li> <li>- Người dân chưa có ý thức, kiến thức và kỹ năng trong phòng chống các loại bệnh, đặc biệt là tại các gia đình sau khi thiên tai xảy ra;</li> <li>- Số hộ có nhà vệ sinh chưa đảm bảo còn cao; Trường THCS, tiểu học nhà vệ sinh chưa đảm bảo đáp ứng cho nhà trường và đặc biệt khi sơ tán.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền vận động người dân thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường;</li> <li>- Tập huấn kiến thức, kỹ năng cho người dân ở những vùng có nguy cơ cao về nước sạch, vệ sinh, môi trường, phòng tránh dịch bệnh;</li> <li>- Tuyên truyền vận động các hộ dân sử dụng hệ thống nước sạch của công ty đông lạnh.</li> <li>- Khơi thông dòng chảy, đầu tư hệ thống tiêu thoát nước cho các khu vực này;</li> <li>- Chuẩn bị đầy đủ các cơ sở thuốc và thuốc khử khuẩn ( cloramin);</li> <li>- Xây dựng quy chế bảo vệ môi trường, tổ chức tuyên truyền đến các hộ dân.</li> </ul>
<p>5. Hệ thống cống tiêu hư hỏng gây ngập úng cao</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống cống tiêu đã xuống cấp, hư hỏng do xây dựng đã lâu không được đầu tư, nâng cấp, bảo dưỡng thường xuyên;</li> <li>- Hệ thống cống và mương tiêu chưa được kiên cố</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cống 3 cửa, hệ thống cống Phúc Ngư, hệ thống cống tại thôn Liên Minh, thôn 1, 2, 3;</li> <li>- Đầu tư xây dựng kiên cố cống và mương tiêu;</li> <li>- Hằng năm trước mùa thiên tai tổ chức chiến dịch nạo vét kênh, mương, khơi thông dòng chảy nhằm đảm bảo cho việc tiêu thoát nước.</li> </ul>
<p>6. Ô nhiễm môi trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rác thải đầu nguồn đổ về khi có thiên tai</li> <li>- Các hộ chăn nuôi, xả thải</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền đến người dân, chấp hành bảo vệ</li> <li>- Hướng dẫn, vận động các hộ chăn nuôi xây</li> </ul>

		<p>trực tiếp ra môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hộ kinh doanh thủy hải sản không xả nước thải ra môi trường;</li> <li>- Chưa được quy hoạch hệ thống thoát nước của cụm dân cư;</li> <li>- Nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường chưa cao</li> </ul>	<p>dựng hệ thống Bioga, quy hoạch khu chăn nuôi tập trung; các hộ không xả thải trực tiếp ra môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiên cố hóa hệ thống mương tiêu thoát nước cụm dân cư;</li> <li>- Xây dựng quy chế bảo vệ môi trường tại bến cá và khu dân cư;</li> <li>- Xây dựng thêm các nhà vệ sinh cho các công trình tránh trú bão (trường học, UBND xã, nhà văn hóa thôn)</li> </ul>
7. Mất mùa, giảm năng suất lúa và hoa màu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do thời tiết nắng nóng kéo dài</li> <li>- Mưa lớn gây ngập úng</li> <li>- Sâu bệnh phát triển</li> <li>- Hệ thống tiêu thoát nước không đảm bảo</li> <li>- Cây giống chưa phù hợp với điều kiện, khí hậu của địa phương</li> <li>- Thuốc trừ sâu chưa đảm bảo chất lượng</li> <li>- Tăng cường tuyên truyền trong sản xuất nông nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển đổi giống cây trồng phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu;</li> <li>- Tổ chức tập huấn kiến thức kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi;</li> <li>- Khuyến cáo người dân đến các cơ sở bán thuốc trừ sâu uy tín đảm bảo đủ tiêu chuẩn và chất lượng;</li> <li>- Hướng dẫn các hộ dân sử dụng thuốc trừ sâu đúng hướng dẫn của nhà cung cấp;</li> <li>- Xây dựng hệ thống kênh tưới;</li> </ul>	

## 2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	- Đầu tư bê tông hóa 3km đường giao thông liên thôn:	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát</li> <li>- Hợp triển khai</li> <li>- Vận động nguồn lực</li> <li>- Tổ chức thực hiện</li> <li>- Bàn giao đưa vào sử dụng</li> <li>- Xây dựng quy chế sử dụng, bảo dưỡng và bàn giao đưa vào sử dụng</li> </ul>	X		
	- Đầu tư xây dựng, tu sửa, nâng cấp hệ thống thủy lợi (kênh tiêu, tưới và hệ thống	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát</li> <li>- Trình đề xuất</li> <li>- Thiết kế</li> <li>- Vận động nguồn lực</li> <li>- Tổ chức thực hiện</li> <li>- Bàn giao đưa vào sử</li> </ul>		X	

	cống)		dụng			
Nhà ở	- Vận động nguồn lực hỗ trợ làm nhà cho 159 hộ nghèo, hộ nhà kém an toàn. Trong đó có 56 hộ đặc biệt khó khăn (đề nghị dự án GCF hỗ trợ);	Toàn xã :	- Khảo sát - Vận động nguồn lực, vận động các hộ có nhà thiếu kiên cố - Hướng dẫn các hộ chọn mẫu nhà Thiết kế - Xây dựng - Đưa vào sử dụng	X		x
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	- XD công trình nước sạch - XD hệ thống cống thoát nước	Toàn xã	- Khảo sát - Vận động nguồn lực - Tổ chức thực hiện - Đưa vào sử dụng - XD quy chế vận hành, bảo quản và sử dụng	X		
Y tế	Nâng cao năng lực của cộng đồng dân cư về kiến thức về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; kiến thức về nước sạch vệ sinh môi trường cho người dân	Toàn xã	- Khảo sát - Lập kế hoạch - Tổ chức tập huấn - Tổ chức truyền thông - Xây dựng quy chế bảo vệ môi trường; truyền truyền đến các hộ dân;	X		
Giáo dục	Nâng cao năng lực cho giáo viên học sinh nhà trường về phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH	Trường tiểu học, THCS, mầm non	- Khảo sát, xây dựng kế hoạch - Tổ chức tập huấn kiến thức PCGNRRTT, Thích ứng BĐKH, trường học an toàn; - Hướng dẫn XD góc giảm nhẹ RRTT, thích ứng với BĐKH - Tổ chức tuyên truyền - Tổ chức hội thi tìm hiểu kiến thức PCGNRRTT, BĐKH - XD thêm nhà vệ sinh, nước sạch cho các trường đảm bảo vệ sinh trong các nhà trường đặc biệt là khi có thiên tai	X		



Rừng	Trồng, bảo vệ, chăm sóc diện tích rừng hiện có	Thôn: Giang Sơn, Liên Minh, 1,2,3	-Tuyên truyền phòng cháy chữa cháy rừng để người dân biết nâng cao ý thức phòng tránh -Tổ chức tập huấn kỹ năng phòng chống cháy rừng cho đội bảo vệ -Vận động các hộ dân trồng rừng, trồng cây trong khu vực dân cư để bảo vệ môi trường; -Mở rộng các mô hình du lịch sinh thái biển, rừng		x	
Trồng trọt	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp; thích ứng với BĐKH	Thôn 1,2,3,4,5,6	-Khảo sát -Xây dựng mô hình -Học tập kinh nghiệm, xây dựng các mô hình trồng các loại cây trồng có khả năng chịu hạn cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. -Tập huấn kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi cho các hộ dân làm nghề nông; -Tìm đầu ra cho các sản phẩm nông sản làm ra.		x	
Chăn nuôi	Quy hoạch chăn nuôi mô hình sản xuất trang trại, mô hình vietgas		-Khảo sát, xây dựng mô hình -Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi -Tổ chức tiêm phòng -Tìm đầu ra		x	
Thủy sản	Nâng cao năng suất chất lượng từ đánh bắt và nuôi trồng thủy sản	Các hộ tham gia đánh bắt và nuôi trồng thủy sản	-Đầu tư công nghệ bảo quản, chế biến hải sản đánh bắt, nuôi trồng. -Tập huấn, hướng dẫn các chủ tàu thuyền đánh bắt bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản, bảo vệ môi trường biển - Tập huấn kiến thức, kỹ năng neo đậu tàu thuyền đảm bảo an	X	X	

			toàn khi có thiên tai cho các chủ tàu - Kiểm tra, hướng dẫn các hộ chế biến sứa không xả thải ra môi trường			
Du lịch	Nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch từ biển, rừng	Các thôn	- Kêu gọi nhà đầu tư du lịch - Mở rộng dịch vụ du lịch sinh thái từ rừng, biển - Khi xây dựng đảm bảo được tính bền vững giữa phát triển và bảo vệ môi trường thích ứng với BĐKH và PCTT - Tập huấn kiến thức bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp trên địa bàn; - Thành lập đội cứu hộ cứu nạn, tập huấn trang bị kiến thức kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn đảm bảo an toàn cho du khách.		X	
Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác	Chuyển đổi cơ cấu ngành nghề thích hợp tạo công ăn việc làm tăng thu nhập cho người dân	11/11 thôn	- Tập huấn cho các hộ kiến thức kinh doanh - Đầu tư mở rộng kinh doanh. - Hỗ trợ vay vốn mở rộng hàng hóa	x		
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Củng cố, đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo sớm. Nâng cao năng lực cho cộng đồng về PCTT, BĐKH	Toàn xã	- Khảo sát, rà soát lại hệ thống cảnh báo sớm. - Vận động nguồn lực - Dự toán thiết kế - Lắp đặt, mua sắm - Tuyên truyền, hướng dẫn các chủ tàu không nên mua những trang thiết bị cảnh báo sớm cũ, rẻ tiền không đảm bảo chất lượng			
Phòng chống	Nâng cao	Toàn xã	- Khảo sát, xây dựng	X		

thiên tai và TUBĐKH	nhận thức cho cộng đồng về PCTT/BĐKH		kế hoạch - Vận động nguồn lực - Tổ chức tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH cho cán bộ, các hộ dân vùng nguy cơ cao; tập huấn cho giáo viên và học sinh - Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, kỹ thuật neo đậu tàu thuyền cho đội tìm kiếm cứu hộ cứu nạn - Tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH; Các tổ chức đoàn thể tổ chức sinh hoạt chuyên đề, tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH cho cán bộ, hội viên - Tổ chức diễn tập PCTT, thích ứng với BĐKH; - Lồng ghép nội dung kế hoạch PCTT, BĐKH vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương			
---------------------	--------------------------------------	--	--	--	--	--

### b) Đề xuất

Để thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong thời gian tới cần tập trung những biện pháp sau đây:

#### \* Chính quyền xã và nhân dân:

- Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, chủ động phòng chống thiên tai, thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ”;

- Thường xuyên rà soát, kiểm tra các nơi có nguy cơ xảy ra sạt lở, các vùng có nguy cơ ngập sâu. Cắm các biển cảnh báo ở các nơi nguy cơ cao như cầu yếu, nơi sạt lở, ...;

- Tăng cường công tác vận động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng nhà vệ sinh đúng tiêu chuẩn, chủ động nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy tại các khu dân cư;

- Chủ động bố trí lịch thời vụ hợp lý, thay giống mới để tránh ảnh hưởng của thiên tai, đảm bảo tìm nguồn có đầu ra ổn định;

- Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các nhóm, tổ chức PCTT và các hoạt động khác, chú trọng việc dạy bơi cho người dân đặc biệt chú trọng đến phụ nữ và trẻ em. Tăng cường vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong bộ máy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Luật phòng chống thiên tai, đề án 1002 của Chính phủ. Công bố kế hoạch PCTT của xã, các văn bản có liên quan và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho người dân được biết;

- Tổ chức vận động cộng đồng hỗ trợ vật tư, kinh phí, ngày công giúp các hộ nghèo làm nhà theo Quyết định 48 và hỗ trợ của dự án GCF;

- Sử dụng kết quả đánh giá trong việc xây dựng kế hoạch PCTT vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và hàng năm thường xuyên đánh giá cập nhật, bổ sung thông tin. Lồng ghép việc phòng chống giảm nhẹ RRTT kế hoạch phát triển kinh tế địa phương.

**\* Cấp huyện, tỉnh , trung ương**

- Có kế hoạch hỗ trợ đầu biển, hệ thống tiêu thủy và hệ thống tưới cho diện tích nông nghiệp

- Sớm có kế hoạch di dời các hộ nguy cơ sạt lở đất, đến nơi ở mới an toàn, bền vững.

- Khuyến nông, khuyến lâm các cấp tăng cường cung cấp kiến thức, kỹ năng và việc lựa chọn giống cây con phù hợp với điều kiện hiện tại do BĐKH gây nên

- Cung cấp các phương tiện: phương tiện PCTT, các trang thiết bị hỗ trợ cho lực lượng xung kích, TKCN hoạt động: ủng, áo mưa, đèn pin, mũ bảo hiểm, bộ đồ cứu hộ, sơ cấp cứu, túi cứu thương và các công cụ, cơ sở thuốc kèm theo, thuốc xử lý nước, cưa máy

- Hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà cho các hộ nghèo và các hộ vùng nguy cơ cao

**\* Đối với dự án**

- Tập huấn về thiên tai, QLRRTT và BĐKH, giới cho 100% cán bộ xã, thôn;

- Nghiên cứu để tổ chức tập huấn kiến thức về thiên tai, PCTT cho các đối tượng dễ bị tổn thương và ở vùng nguy cơ cao, các lớp dành riêng cho phụ nữ, cho giáo viên, cho học sinh;

- Tập huấn cho cán bộ và phụ nữ xã, thôn về giới, lồng ghép giới, vai trò giới trong thiên tai

- Tập huấn cho cán bộ xã, thôn về lồng ghép Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và BĐKH vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương và xây dựng nông thôn mới;

- Tập huấn kỹ năng Tìm kiếm cứu nạn và sơ cấp cứu cho đội cứu hộ cứu nạn;

- Hỗ trợ kinh phí cho các hộ nghèo và các hộ vùng nguy cơ cao làm nhà.

**Nơi nhận:**

- TTĐU; HĐND; UBND; UBNDTQVN xã (b/c);

**TM Ủy Ban nhân dân xã**

- Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã (b/c);

Chủ tịch

- Các thành viên BCH PCTT và TKCN;

- Trưởng các thôn;

- Lưu: VT

## PHỤ LỤC BÁO CÁO

### Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA ĐÁNH GIÁ

STT	Họ và tên	Chức vụ - đơn vị công tác	Số điện thoại	Ghi chú
1	Phạm Thanh Nam	PCT-UBND xã	0984.794.116	
2	Nguyễn Văn Toàn	CT-UBMT-TQ	01682.660.565	
3	Phan Hoài Hương	Bí thư đoàn TN	0932.378.305	
4	Nguyễn Thị Tuyết	Chur tịch Hội Phụ nữ	0979.751.986	
5	Lê Xuân Tùng	CHT-Ban CHQS	0166.689.826	
6	Trương Thị Hòa	CCVH-CS	01679.058.274	
7	Lê Văn Hùng	CB-Khuyến Nông, KN	0979.969.765	
8	Nguyễn Văn Hùng	Trưởng thôn Giang Sơn	0975.721.560	
9	Nguyễn Văn Song	Trưởng thôn Thành Xuân	0942.331.960	
10	Lê Trương Sơn	Trưởng thôn Liên Minh	01669.190.793	

**Phụ lục 2:** Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

**Phụ lục 3:** Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá